TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 19 - 12 - 2022
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: ông Tạ Văn Vinh và bà Trần Thị Sâm

- **Thư ký phiên tòa**: bà Lê Thị Thùy Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân T Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà**: bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** chị Nguyễn Thị X sinh năm 1986; địa chỉ: xóm N, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

***2. Bị đơn*:** anh Phan Văn T sinh năm 1981; địa chỉ: xóm N, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T: ông Lê Đình Ch – Luật sư Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: 172/69 đường P, phường Ph, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị Nh sinh năm 1948; địa chỉ: xóm S, xã Đ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (có yêu cầu độc lập).

- Anh Phan Văn H sinh năm 1970; địa chỉ: xóm T, xã V, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Phan Thị Th sinh năm 1972; địa chỉ: thôn S, xã Tr, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Chị Phan Thị L sinh năm 1974; địa chỉ: khối M, thị trấn B, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Phan Thị Đ sinh năm 1976; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

- Chị Phan Thị T1 sinh năm 1983; địa chỉ: xóm 2, xã K, huyện Kim Sơn, T Ninh Bình.

- Chị Phan Thị T2 sinh năm 1986; địa chỉ: thôn S, xã Tr, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

4. Người kháng cáo: anh Phan Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị X và anh Phan Văn T có quan hệ hôn nhân hợp pháp (kết hôn năm 2005). Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 102/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn đã giải quyết cho anh chị ly hôn và giải quyết việc nuôi con. Về tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T và chi X đã thỏa thuận (thỏa thuận miệng): anh T ở nhà đất và có trách nhiệm

thanh toán cho chị 500.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, do mâu thuẫn nên anh T không thanh toán tiền cho chị theo nội dung đã thỏa thuận. Thời gian sau đó, anh chị tiếp tục mâu thuẫn không thể tự phân chia được tài sản chung của vợ chồng. Do đó, chị X khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng gồm: quyền sử dụng 208,3m^2 đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 88 tờ bản đồ số 21; địa chỉ: xóm 5, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình cùng tài sản gắn liền với đất. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 866779 ngày 05 tháng 09 năm 2019 mang tên Phan Văn T và Nguyễn Thị X. Do đang nuôi 03 con nhỏ nên chị X xin được nhận quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất và có trách nhiệm thanh toán cho anh T ½ giá trị tài sản chung.

Đối với một số vật dụng, đồ dùng sinh hoạt của gia đình giá trị không đáng kể nên chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị Nh: chị X xác định nguồn gốc tài sản chung của vợ chồng: năm 2007 vợ chồng chị có mua một mảnh đất 356m^2 tại xóm Khanh Hải, xã Văn Hải. Thời điểm đó không bắt buộc khi ký hợp đồng và giấy chứng nhận phải có hai vợ chồng nên anh T đã trực tiếp giao dịch ký hợp đồng và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc số tiền mua đất là của vợ chồng chị X. Quá trình sử dụng đất, năm 2016 vợ chồng chị xây dựng nhà mái bằng và công trình phụ. Năm 2019 do đặc thù công việc làm nông nghiệp nên vợ chồng chị đã chuyển nhượng diện tích đất ở xã Văn Hải cho vợ chồng ông Cao Thế Hà, bà Bùi Thị Trang với giá 2.500.000.000 đồng. Vợ chồng chị X sử dụng số tiền bán nhà đất ở xã Văn Hải để mua thửa đất số 88 tờ bản đồ số 21 tại xóm 5, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình của ông Gọn, bà Oanh với giá 1.200.000.000 đồng, số tiền còn lại đã làm nhà và chi tiêu hết. Chị X xác định nguồn gốc số tiền mua đất ở xã Văn Hải là của vợ chồng, do vậy toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 88 tờ bản đồ số 21 tại xóm 5, xã K thuộc quyền sở hữu chung của chị và anh T. Bà Nh không có quyền lợi gì đối với tài sản của vợ chồng chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phan Văn T và người đại diện theo ủy quyền của anh T trình bày:

Anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị X trước đây là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên chị X đã khởi kiện xin ly hôn anh T. Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn đã giải quyết cho anh chị ly hôn và giải quyết việc nuôi con sau khi ly hôn (Tòa án chưa giải quyết về phần tài sản). Anh T và chị X đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng. Sau đó, do mâu thuẫn nên không thể phân chia tài sản như đã thỏa thuận. Nay chị X khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng 208,3m^2 đất ở thuộc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 21; địa chỉ: xóm 5, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình cùng tài sản gắn liền với đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 866779 cấp ngày 05 tháng 09 năm 2019 mang tên Phan Văn T và Nguyễn Thị X). Anh T xác định nhà đất nêu trên là tài sản chung của anh và chị X, nhưng anh không nhất trí việc chị X nhận quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất và có trách nhiệm thanh toán cho anh ½ giá trị tài sản với lý do như sau:

Nguồn gốc thửa đất chị X yêu cầu phân chia là của ông Phan Văn Lợi, bà Vũ Thị Nh là bố mẹ anh T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quốc Đương ở xóm Khanh Hải, xã Văn Hải vào năm 2006 (thửa đất này ông Đương nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn Thuyết nhưng chưa làm thủ tục sang tên). Ông Lợi, bà Nh là người trực tiếp đứng ra làm thủ tục nhận chuyển nhượng đất và thanh toán tiền cho ông Đương; anh T và chị X không có đóng góp gì. Để thuận tiện cho việc vay vốn ngân hàng phát triển kinh tế, ông Lợi, bà Nh đã thỏa thuận để cho anh T và chị X đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sau này khi kinh tế gia đình ổn định thì anh chị có trách nhiệm trả lại thửa đất đó cho ông Lợi, bà Nh. Năm 2018 do không có nhu cầu làm ăn ở xã Văn Hải, anh T và chị X đã tự ý chuyển nhượng thửa đất ở xã Văn Hải mà trước đó ông Lợi, bà Nh đã mua cho anh chị được 2.500.000.000 đồng. Anh chị sử dụng số tiền bán thửa đất ở xã Văn Hải để mua thửa đất tại xóm 5, xã K hết 1.200.000.000 đồng, số tiền còn lại sử dụng hết vào việc xây nhà.

Do anh T, chị X tự ý bán thửa đất của ông Lợi, bà Nh nên anh T đồng ý trả lại 2.500.000.000 đồng cho bà Nh (ông Lợi đã chết ngày 22/5/2018). Anh T xin được nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà là tài sản chung của vợ chồng, đồng thời có trách nhiệm trả cho bà Nh 2.500.000.000 đồng. Sau khi trả tiền cho bà Nh,

anh và chị X mỗi người được hưởng 1/2 số tiền còn lại, nếu giá trị thửa đất không đủ thanh toán cho bà Nh, còn thiếu bao nhiêu thì anh T và chị X mỗi người phải chịu thêm ½ số tiền để trả cho đủ bà Nh. Trường hợp anh T, chị X không có khả năng thanh toán bằng tiền cho bà Nh thì đề nghị trả lại quyền sử dụng 208,3m^2 đất ở thuộc thửa số 88 tờ bản đồ số 21, cùng tài sản gắn liền với đất cho bà Nh. Đối với tài sản là đồ dùng sinh hoạt của gia đình, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì các tài sản đó đã hỏng hết và bán hết hiện không còn.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 22/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Nh và người đại diện theo ủy quyền của bà Nh trình bày:

Hiện nay, chị Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân với anh Phan Văn T. Chị X yêu cầu chia nhà và 208,3m^2 đất ở tại thửa số 88 tờ bản đồ số 21, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 866779 cấp ngày 05 tháng 09 năm 2019 mang tên Phan Văn T và Nguyễn Thị X.

Nguồn gốc hình thành nhà đất: năm 2001 vợ chồng bà Nh, ông Lợi nhận chuyển nhượng 5 ha đất trồng cây lâu năm để trồng cà phê, trên đất đã có nhà ở tại thôn 3, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông với giá 80.000.000 đồng (không lập hợp đồng mua bán vì con gái bà giới thiệu mua của người quen). Vợ chồng bà Nh nhờ con gái là Phan Thị Th chăm sóc, quản lý đến mùa thì vào thu hoạch. Năm 2005 anh T và chị X kết hôn, thời gian đầu anh chị ở cùng với bà tại xóm 6, xã Định Hóa, huyện Kim Sơn. Cùng năm 2005 gia đình thống nhất để vợ chồng anh T chị X vào Đắk Nông sinh sống và sản xuất trên thửa đất trồng cà phê của vợ chồng bà. Bà Nh chỉ cho anh T chị X sản xuất, thu hoạch nông sản được bao nhiêu thì hưởng bấy nhiêu, chứ không cho quyền sử dụng đất. Cuối năm 2006 do vợ chồng mâu thuẫn nên anh T và chị X lại về xã Định Hóa ở cùng bà Nh. Vợ chồng bà Nh đã bán 5 ha đất tại tỉnh Đắk Nông được 300.000.000 đồng và đã dùng 120.000.000 đồng mua 360m^2 của ông Nguyễn Quốc Đương tại xóm Khanh Hải, xã Văn Hải, huyện Kim Sơn, T Ninh Bình. Bà Nh, ông Lợi là người trực tiếp đứng ra làm thủ tục nhận quyền sử dụng đất và thanh toán tiền cho ông Đương. Năm 2007 vợ chồng anh T, chị X muốn ra ở riêng nên vợ chồng bà Nh

đã dùng hết số tiền bán đất còn lại để làm nhà cho vợ chồng anh chị ra ở riêng; vợ chồng anh T chị X không có đóng góp khoản tiền nào. Do vợ chồng anh T chị X cần vốn làm ăn, lại khó khăn về kinh tế không có công ăn việc làm, thu nhập không ổn định nên đề xuất đứng hộ tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất mà vợ chồng bà Nh mua của ông Đương. Được sự đồng ý của ông Lợi, bà Nh nên vợ chồng anh T chị X mới được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất ở xã Văn Hải. Thực tế tiền mua đất, xây nhà là của vợ chồng bà Nh; vợ chồng bà chưa tặng cho vợ chồng anh T, chị X. Sau này, khi kinh tế gia đình ổn định thì vợ chồng anh T chị Xuyên có trách nhiệm trả lại thửa đất đó cho vợ chồng bà Nh, ông Lợi. Sau khi được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng anh T, chị X tự ý bán nhà đất cho người khác với giá 2.500.000.000 đồng và dùng toàn bộ số tiền đó để mua đất và làm nhà tại xóm 5, xã K. Khi bà biết và hỏi thì anh chị xin bà tạo điều kiện cho vợ chồng làm ăn kinh tế; số tiền bán nhà đất thống nhất là khoản nợ bà Nh, anh chị sẽ trả dần khi có điều kiện; vì là con trong nhà nên bà Nh đã nhất trí và không có ý kiến gì.

Nay chị X yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng 208,3m^2 đất ở thuộc thửa số 88 tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại xóm 5, xã K, huyện Kim Sơn, T Ninh Bình cùng tài sản gắn liền với đất thì bà không đồng ý. Bà Nh đề nghị Tòa án buộc anh T, chị X phải trả cho bà số tiền đã bán thửa đất của ông bà ở xã Văn Hải là 2.500.000.000 đồng.

Trường hợp anh T, chị X không có khả năng thanh toán bằng tiền thì đề nghị trả lại quyền sử dụng 208,3m^2 đất ở thuộc thửa số 88 tờ bản đồ số 21, tại xóm 5, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình cùng tài sản gắn liền với đất cho bà Nh. Nếu anh T và chị X chung sống với nhau hòa thuận đoàn kết thì bà vẫn để anh chị sử dụng khối tài sản đó tạo điều kiện cho anh chị cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng hiện anh chị đã ly hôn và đang yêu cầu Tòa án phân chia tài sản thì bà đòi lại số tiền đó. Buộc anh T, chị X phải trả lại tiền cho bà số tiền 2.500.000.000 đồng.

Trong bản tự khai ngày 28/02/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phan Thị T1, chị Phan Thị L, anh Phan Văn H, chị Phan Thị Th, chị Phan Thị T2, chị Phan Thị Đ cùng trình bày:

Năm 2005 anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị X có đăng ký kết hôn tại xã Định Hóa. Sau khi kết hôn, anh chị đã tự ý bán thửa đất tại xã Văn Hải mà trước đây ông Phan Văn Lợi và bà Vũ Thị Nh mua của ông Nguyễn Quốc Đương nhưng không hỏi ý kiến và không được sự đồng ý nhất trí của ông Lợi, bà Nh. Anh T, chị X bán thửa đất ở xã Văn Hải được 2.500.000.000 đồng. Sau khi bán đất, anh T mượn lại số tiền đó để mua đất và làm nhà ở riêng tại xóm 5, xã K (thửa số 88 tờ bản đồ số 21 diện tích 208,3m^2). Thửa đất anh T, chị X đã bán là tài sản chung của ông Lợi và bà Nh; ông Lợi đã chết (chết năm 2018) nên bà Nh và các con của ông Lợi là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng thừa kế của ông Lợi. Để đảm bảo quyền và lợi ích H pháp của mình, chị Th, chị T2, chị Đ, anh H, chị L, chị T1 đồng ý ủy quyền cho bà Nh tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn để đòi lại tài sản là quyền lợi của mọi người; bà Nh được toàn quyền quyết định, định đoạt phần tài sản được nhận thừa kế của chị Th, chị T2, chị Đ, anh H, chị L, chị T1 trong khối tài sản nói trên.

Ngoài ra trong biên bản hòa giải ngày 22/4/2022 chị T1, chị L và anh H còn xác định: nguồn gốc 208,3m^2 đất ở thuộc thửa số 88 tờ bản đồ số 21 tại xóm 5, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 866779 cấp ngày 05 tháng 09 năm 2019 mang tên Phan Văn T và Nguyễn Thị X cùng tài sản gắn liền với đất là của ông Lợi và bà Nh. Do ông Lợi đã chết nên các con của ông Lợi là hàng thừa kế thứ nhất đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Nh, buộc anh T chị X phải trả cho bà Nh 2.500.000.000 đồng. Trong trường hợp anh T chị X không có khả năng thanh toán, thì đề nghị trả lại quyền sử dụng 208,3m^2 đất ở thuộc thửa số 88 tờ bản đồ số 21, tại xóm 5, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình cùng tài sản gắn liền với đất cho bà Nh.

**** Về tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản tranh chấp:***

- Trích lục bản đồ địa chính xã Văn Hải tờ bản đồ số 2 (lập năm 1999, chỉnh lý năm 2007) thửa 512 diện tích 356m^2 đứng tên ông Phan Văn Thuyết.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dung đất ngày 16/7/2007 được ký kết giữa ông Phan Văn Thuyết và anh Phạn Văn T thể hiện: ông Thuyết chuyển nhượng cho anh T thửa đất số 512 tờ bản đồ số 2, diện tích 356m^2 đất (180m^2 đất ở lâu dài, 20m^2 đất vườn lâu dài, 156m^2 đất vườn thời hạn sử dụng đến năm 2013) tại xã Văn Hải với giá 18.500.000 đồng.

- GCNQSDĐ số AI 677231 ngày 03/8/2007, chứng nhận hộ anh Phan Văn T được quyền sử dụng thửa đất số 512 tờ bản đồ số 2 diện tích 356m^2 gồm 180m^2 đất ở tại nông thôn, 20m^2 đất trồng cây hàng năm khác lâu dài, 156m^2 đất trồng cây hàng năm khác thời hạn sử dụng đến tháng 12/2013. (anh T tách khỏi hộ ông Lợi bà Nh ngày 09/9/2005)

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18/CN-QSDĐ&TS ngày 07/8/2019 được ký kết giữa vợ chồng anh Phan Văn T, chị Nguyễn Thị X và vợ chồng anh Cao Thế Hà, chị Bùi Thị Trang thể hiện vợ chồng anh T chuyển nhượng cho vợ chồng anh Hà thửa đất số 512 tờ bản đồ số 2 diện tích 356m^2 đất (180m^2 đất ở tại nông thôn, 176m^2 đất trồng cây hàng năm khác thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063) và 23m^2 nhà cấp 4 với giá 50.000.000 đồng.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 69/CN-QSDĐ ngày 19/8/2019 được ký kết giữa vợ chồng ông Trần Văn Gọn, bà Nguyễn Thị Kim Oanh và vợ chồng anh Phan Văn T, chị Nguyễn Thị X thể hiện vợ chồng ông Gọn chuyển nhượng cho vợ chồng anh T thửa đất số 88 tờ bản đồ số 21 diện tích 210m^2 đất ở tại xã K với giá 300.000.000 đồng.

- Đơn đăng ký biến động đất đai ngày 19 tháng 8 năm 2019 của anh Phan Văn T về việc thay đổi chủ sử dụng đất từ ông Gọn, bà Oanh sang anh T, chị X thửa đất số 88 tờ bản đồ số 21 diện tích 208,3m^2 đất ở tại nông thôn.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 866779 ngày 05/9/2019 chứng nhận anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị X được quyền sử dụng thửa đất số 88 tờ bản đồ số 21 diện tích 208,3m^2 đất ở tại nông thôn.

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản:

+ Thửa đất số 88 tờ bản đồ số 21 Bản đồ địa chính xã K lập năm 2006 chỉnh lý năm 2014 diện tích 208,3m^2 giá trị 1.787.988.000 đồng.

+ Tài sản trên đất gồm: nhà lán lợp tôn lạnh giá trị 102.425.227 đồng; nhà ở mái bằng giá trị 521.904.382 đồng; nhà lán cuối khung thổ giá trị 76.786.828 đồng; bể nước giá trị 12.271349 đồng; tổng giá trị tài sản gắn liền với đất 713.387.786 đồng, làm tròn 713.388.000 đồng.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất 2.501.376.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn quyết định:

Áp dụng Điều 29, 33, 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X đối anh Phan Văn T về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Chia và giao cho chị Nguyễn Thị X được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản sau:

2.1. Chị X được quyền sử dụng đất có diện tích 208,3m^2 đất ở tại thửa số 88, tờ bản đồ số 21 lập năm 2006 chỉnh lý năm 2014; địa chỉ thửa đất tại xóm 5, xã K, huyện Kim Sơn; giá trị 1.787.988.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm tám mươi bảy triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng)*; chiều cạnh kích thước cụ thể như sau: phía Nam giáp thửa đất số 89 nhà ông Quyền, bà Bảy được ngăn cách bằng tường nhà anh T, chị X dài 42m; phía Bắc giáp thửa đất số 87 được ngăn cách bằng tường nhà anh T, chị X có chiều dài 42m; phía Tây giáp bờ mương được ngăn cách bằng tường nhà lán lợp tôn thường do anh T, chị X xây dựng có chiều dài 5m; phía Đông giáp Quốc lộ 12B (ranh giới tính từ tim đường kéo về phía tây khung thổ 15,5m) có chiều dài 5m. (Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Phần lán trước hiên nhà anh T, chị X xây lấn ra lưu không đường. Quá trình sử dụng các đương sự phải tự tháo rỡ để trả lại đất cho lưu không đường.

2.2. Chị X được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm: nhà lán lợp tôn lạnh có giá là 102.425.227 đồng; nhà ở mái bằng

có giá là 521.904.382 đồng; nhà lán cuối khung thổ có giá là 76.786.828 đồng; bể nước có giá là 12.271349 đồng. Giá trị các tài sản trên đất làm tròn là 713.388.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng (quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền với đất, các tài sản trong nhà) giao cho chị Nguyễn Thị X sở hữu và sử dụng là 1.787.988.000 đồng + 713.388.000 đồng = 2.501.376.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm linh một triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)*

3. Chị Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phan Văn T ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng là 2.501.376.000 đồng : 2 = 1.250.688.000 đồng *(Một tỷ hai trăm năm mươi triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng).*

Chị Nguyễn Thị X có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mình được chia và giao quyền sử dụng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị Nh về việc bà Nh yêu cầu anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị X phải trả cho bà số tiền 2.500.000.000 đồng.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị X phải nộp 49.520.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 21.000.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004457 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Chị Nguyễn Thị X phải nộp thêm 28.520.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Anh Phan Văn T phải nộp 49.520.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị Nh do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo; quyền thỏa thuận, yêu cầu, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

***Ngày 04 tháng 7 năm 2022, anh Phan Văn T nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn với lý do*:** bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, sai phạm về áp dụng pháp luật; chưa bảo đảm đúng quy định pháp luật, quyền lợi hợp pháp của bị đơn, cụ thể:

Thứ nhất: không xem xét công sức đóng góp của từng bên khi phân chia là vi phạm nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa ngày 29/6/2022, tất cả các đương sự đều thống nhất nội dung: nguồn gốc nhà đất tại xã K (tài sản tranh chấp trong vụ án) do số tiền bán nhà đất tại xã Văn Hải, huyện Kim Sơn (mua của ông Nguyễn Quốc Đương năm 2007). Nguồn gốc số tiền mua đất của ông Đương là do bán 5 ha đất tại xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông vào năm 2007. Ngoài số tiền bán nhà đất nêu trên nguyên đơn và bị đơn không đóng góp gì thêm vào số tiền hình thành nhà đất đang phân chia trong vụ án. Tuy nhiên các bên trình bày mâu thuẫn về thời điểm và nguồn gốc hình thành 5 ha đất tại xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Chị X trình bày thửa đất do vợ chồng mua (mua của ai thì không biết), mua sau khi kết hôn (sau năm 2005). Anh T và bà Nh lại trình bày đúng thực tế 5 ha đất là tài sản của vợ chồng bà Nh nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Ngọc Hà vào năm 2001. Thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước khi anh T và chị X kết hôn, không có sự đóng góp hay liên quan gì đến chị X.

Thứ hai: không tạm ngừng phiên tòa theo đề nghị của đương sự để xác minh, thu thập thêm chứng cứ, tài liệu là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Trong phần tranh luận, do diễn biến mới tại phiên tòa (trình bày khác về nguồn gốc và thời điểm hình thành 5 ha đất tại xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông) nên người đại diên theo ủy quyền của anh T, bà Nh đề nghị tạm ngừng phiên tòa để đưa ông Nguyễn Ngọc Hà (người chuyển nhượng 5 ha đất) tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng; lấy lời khai của ông Hà để xác minh về

giao dịch chuyển nhượng 5 ha đất tại xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, chuyển nhượng cho ai, thời điểm nào, chuyển nhượng bao nhiêu tiền, ai là người giao tiền. Đây là những tình tiết quan trọng, ảnh hưởng tới việc xác định sự thật vụ án; có ý nghĩa quan trọng để xác định công sức đóng góp, nguồn gốc tài sản đang phân chia trong vụ án từ đâu mà có. Thực tế thửa đất ban đầu là đất của bố mẹ anh T, không phải đất của vợ chồng anh T. Bố mẹ anh T có thửa đất từ trước thời điểm vợ chồng anh kết hôn, chị X nại ra nguồn gốc đất do vợ chồng mua sau khi kết hôn là man trá.

Thứ ba: bản án sơ thẩm giao cho chị X nhận tài sản bằng hiện vật là không thỏa đáng. Tại địa phương, chị X đã có đất ở chỗ khác (được mẹ tặng cho 01 thửa đất) nên có chỗ ở ổn định. Lý do giao đất cho chị X là để phục vụ việc nuôi con nhưng từ khi ly hôn, anh T là người nuôi dưỡng, chăm sóc 4 đứa con, chị X không có trách nhiệm, thường xuyên bỏ đi sang nhà mẹ đẻ và nơi khác, không đưa con đi theo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm không xem xét đến yêu cầu độc lập của bà Nh là trái luật. Tài sản (nhà đất) mà chị X yêu cầu phân chia trong vụ án có nguồn gốc ban đầu do bán thửa đất của bố mẹ anh T (5 ha đất trong Đắk Nông), bố mẹ anh T chưa tặng cho vợ chồng anh.

Bản án sơ thẩm không khách quan, không đúng luật, chưa bảo đảm được quyền lợi ích H pháp của anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn là chị Nguyễn Thị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn là anh Phan Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6

năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn. Anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn thụ lý, giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị X là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phan Văn T đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án được xem xét giải quyết lại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Tòa án nhân dân T Ninh Bình đã triệu tập H lệ lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Th, chị L, chị Đ, chị T1, chị T2 vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo

[2.1] Đối với yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị Nh

Theo bà Nh trình bày, nguồn gốc nhà đất tại xã Văn Hải mà vợ chồng anh T chị X đã bán là do vợ chồng bà Nh bỏ tiền ra mua đất làm nhà và cho vợ chồng anh T đứng hộ tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng bà Nh chưa tặng cho vợ chồng anh T chị X nhà đất mà chỉ cho đứng tên để tạo điều kiện cho anh chị lấy vốn làm ăn. Khi nào kinh tế gia đình ổn định thì vợ chồng anh T chị X phải trả lại nhà đất cho vợ chồng bà Nh. Chứng cứ bà Nh đưa ra là Vi bằng số 1688.21/VB-TPLHN được lập ngày 19/11/2021 trong đó có ý kiến của ông Hoàng Ngọc Linh người đã giới thiệu, chứng kiến sự việc vợ chồng bà Nh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ý kiến của ông Nguyễn Quốc Đương xác nhận đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Nh thửa đất tại xã Văn Hải, huyện Kim Sơn.

Quan điểm và các chứng cứ nêu trên do bà Nh đưa ra không được chị X thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu nhưng bà Nh

không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc cho vợ chồng anh T chị X đứng hộ tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất tại xã Văn Hải (thửa đất số 512 tờ bản đồ số 2 diện tích 356m^2) và cũng không có chứng cứ bà Nh cho vợ chồng anh T vay lại số tiền bán nhà đất 2.500.000.000 đồng.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Trích lục bản đồ địa chính xã Văn Hải tờ bản đồ số 2 (lập năm 1999, chỉnh lý năm 2007) thửa 512 diện tích 356m^2 đứng tên ông Phan Văn Thuyết; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/7/2007 được ký kết giữa bên chuyển nhượng ông Phan Văn Thuyết và bên nhận chuyển nhượng anh Phạn Văn T; GCNQSDĐ số AI 677231 ngày 03/8/2007 do UBND huyện Kim Sơn cấp cho hộ anh Phan Văn T và H đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18/CN-QSDĐ&TS ngày 07/8/2019 giữa bên chuyển nhượng vợ chồng anh Phan Văn T, chị Nguyễn Thị X và bên nhận chuyển nhượng vợ chồng anh Cao Thế Hà, chị Bùi Thị Trang, đủ căn cứ xác định thửa đất số 512 tờ bản đồ số 2 diện tích 356m^2 tại xã Văn Hải thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng anh T, chị X. Do đó, việc vợ chồng anh T chị X chuyển nhượng thửa đất nêu trên và sở hữu số tiền chuyển nhượng đất 2.500.00.000 đồng là hợp pháp. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nh về việc yêu cầu anh T chị X phải thanh toán cho bà số tiền chuyển nhượng đất 2.500.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị X

Căn cứ H đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 69/CN-QSDĐ ngày 19/8/2019 giữa bên chuyển nhượng là ông Trần Văn Gọn, bà Nguyễn Thị Kim Oanh với bên nhận chuyển nhượng anh Phan Văn T, chị Nguyễn Thị X; Đơn đăng ký biến động đất đai ngày 19 tháng 8 năm 2019 của anh Phan Văn T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 866779 ngày 05/9/2019 do Sở tài nguyên và Môi trường T Ninh Bình cấp cho anh T và chị X, đủ căn cứ xác định thửa đất số 88 tờ bản đồ số 21 diện tích 208,3m^2 và tài sản gắn liền với đất tại xã K được anh T, chị X tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và thuộc quyền sử dụng, sở hữu chung của vợ chồng anh T, chị X.

Anh T chị X đã sử dụng số tiền bán nhà đất tại xã Văn Hải để tạo lập nên khối tài sản chung là nhà đất tại xã K, không bên nào chứng minh được có công sức đóng góp nhiều hơn, nên bản án sơ thẩm chia cho mỗi bên được hưởng ½ giá trị khối tài sản chung theo kết quả thẩm định giá là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia Đình.

Anh T và chị X đều có nguyện vọng được nhận tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Tuy nhiên sau khi ly hôn, anh T, chị X và các con vẫn đang ở chung một nhà; ai cũng có nhu cầu về chỗ ở nhưng nhà và đất của anh chị không đủ điều kiện để chia đôi (thửa đất có chiều rộng 5m). Anh T cho rằng chị X được mẹ đẻ tặng cho 01 thửa đất nên đã có chỗ ở ổn định nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh, do đó không có cơ sở để xem xét ý kiến của anh T. Căn cứ vào thực tế nhu cầu về chỗ ở của hai bên thì hiện nay chị X đang trực tiếp nuôi 3 con còn nhỏ, ngoài chỗ ở hiện tại chị X không còn nơi ở nào khác. Để đảm bảo quyền, lợi ích H pháp của phụ nữ và trẻ em, tạo điều kiện cho các con chung của anh chị có cuộc sống ổn định sau khi bố mẹ ly hôn. Bản án sơ thẩm đã giao nhà đất cho chị X sử dụng, sở hữu và có nghĩa vụ thanh toán cho anh T ½ giá trị tài sản là phù H với quy định tại Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Như đã nhận định nêu trên, thửa đất tại xã Văn Hải và thửa đất tại xã K cũng như tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng H pháp của vợ chồng anh T chị X. Không có chứng cứ chứng minh vợ chồng bà Nh cho vợ chồng anh T chị X đứng hộ tên thửa đất tại xã Văn Hải và cũng không có chứng cứ chứng minh bà Nh đã cho vợ chồng anh T vay số tiền bán nhà đất 2.500.000.000 đồng. Do đó, việc ngừng phiên tòa sơ thẩm để thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của anh T và bà Nh là không cần thiết.

Trong quá trình giải quyết phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, anh T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh T mà giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/HNGĐ-ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn.

[3] Về án phí phúc thẩm: yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên anh Phan Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/HNGĐ-ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: anh Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số AA/2021/0004603 ngày 05/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Sơn. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/12/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện Kim Sơn;
- VKSND T Ninh Bình;
- CCTHADS huyện Kim Sơn;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

Nguyễn Tử Lượng